

BND HUYỆN BẮC YÊN Số: 3175/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 31 tháng 12 năm 2016

ĐƠN SỐ: 49  
Ngày: 18/1/17  
Chuyển: .....

**QUYẾT ĐỊNH**

V/v phê duyệt đề án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên, giai đoạn 2016-2025 định hướng đến năm 2030

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại tờ trình số 252/TTr-SXD ngày 28/12/2016,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt đề án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên, giai đoạn 2016-2025 định hướng đến năm 2030, với các nội dung chính như sau:

**1. Phạm vi, ranh giới quy hoạch**

Thị trấn Bắc Yên bao gồm 04 tiểu khu (Tiểu khu 1, Tiểu khu 2, Tiểu khu 3, Tiểu khu 4) và 05 bản (Phiêng Ban 1, Phiêng Ban 2, Phiêng Ban 3, Văn Ban, Bản Mới). Phạm vi, ranh giới được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp xã Phiêng Ban (chân núi Tà Xùa).
- Phía Nam giáp xã Hồng Ngài.
- Phía Đông giáp xã Phiêng Ban.
- Phía Tây giáp bản Cao Đa, xã Phiêng Ban.

**2. Quy mô, tính chất đô thị**

**2.1. Quy mô dân số đô thị**

- Hiện trạng: khoảng 5.314 người (1.409 hộ).
- Dự báo đến năm 2025: khoảng 10.000 người.
- Dự báo đến năm 2030: khoảng 12.000 người.

### 2.3. Tinh chất đô thị

Là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của huyện Bắc Yên;

Là trung tâm giao lưu văn hoá, trao đổi kinh tế, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc;

Là đầu mối giao thông quan trọng nối liền thị trấn với các xã thuộc huyện, là điểm trung chuyển giao thông đường bộ trên tuyến Quốc lộ 37 nối liền Sơn La với Phú Thọ, Hà Nội;

Là đô thị loại V có vị trí quan trọng về an ninh quốc phòng.

### 3. Phân khu chức năng

- Khu trung tâm hành chính - chính trị;
- Khu trung tâm văn hoá - TĐTT;
- Khu trung tâm dịch vụ du lịch, thương mại;
- Khu trung tâm y tế, giáo dục và đào tạo;
- Khu sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp;
- Khu nông nghiệp công nghệ cao;
- Khu ở theo các mô hình phù hợp;
- Khu dự trữ phát triển đô thị.

### 4. Quy hoạch sử dụng đất

- Diện tích đất xây dựng đô thị: Năm 2025: 186,8 ha; Năm 2030: 216,9 ha.

- Chỉ tiêu sử dụng đất xây dựng đô thị đạt được: Năm 2025: 186 m<sup>2</sup>/người; Năm 2030: 181 m<sup>2</sup>/người.

- Chỉ tiêu đất dân dụng đạt được: Năm 2025: 106 m<sup>2</sup>/người; Năm 2030: 106 m<sup>2</sup>/người.

STT	Ký hiệu	Loại đất	Chính trang (ha)	Quy hoạch đợt đầu (ha)	Tỉ lệ ĐĐ/ XDĐT (%)	Quy hoạch đợt sau (ha)	Tỉ lệ ĐS/ XDĐT (%)
<b>1</b>		<b>ĐẤT DÂN DỤNG</b>	<b>73.18</b>	<b>106.48</b>	<b>57.00</b>	<b>127.57</b>	<b>58.82</b>
1.1		Đất ở	52.81	72.98	39.07	81.68	37.66
1.1.1	ODT	Đất đơn vị ở	52.81	72.98	39.07	81.68	37.66
1.2		Đất công cộng	1.13	2.18	1.17	2.64	1.22
1.2.1	CCC	Công cộng đô thị	0.76	1.02	0.54	1.02	0.47
1.2.2	CCD	Công cộng đơn vị ở	0.37	1.17	0.62	1.62	0.75
1.3		Đất giáo dục	7.49	7.65	4.10	10.10	4.66
1.3.1	DGP	Trường THPT	3.46	3.46	1.85	3.46	1.60

1.3.2	DGD	Giáo dục cơ sở	4.03	4.19	2.24	6.63	3.06
1.4		Đất cây xanh dân dụng	2.39	6.07	3.25	8.94	4.12
1.4.1	CXC	Cây xanh đô thị	2.39	5.86	3.14	8.12	3.74
1.4.2	CXO	Cây xanh đơn vị ở	0.00	0.22	0.12	0.81	0.38
1.5		Đất giao thông dân dụng	9.36	17.59	9.42	24.21	11.16
1.5.1	BDX	Bãi đỗ xe	0.00	0.19	0.10	0.40	0.18
1.5.2	GBD	Đường dân dụng	9.20	17.24	9.23	23.66	10.91
1.5.3	LKD	Lưu không dân dụng	0.16	0.16	0.09	0.16	0.07
<b>2</b>		<b>ĐẤT NGOÀI DÂN DỤNG</b>	<b>66.31</b>	<b>80.32</b>	<b>43.00</b>	<b>89.32</b>	<b>41.18</b>
2.1	CCY	Trung tâm y tế	1.98	2.35	1.26	2.35	1.08
2.2	TSC	Cơ quan	3.58	4.77	2.55	4.77	2.20
2.3	SKC	Kinh doanh	0.82	4.35	2.33	4.35	2.00
2.4	DDL	Đất du lịch	0.00	1.23	0.66	6.13	2.83
2.5		Công nghiệp, kho tàng	0.00	1.63	0.88	3.91	1.80
2.5.1	SKH	Tiểu thủ công nghiệp	0.00	1.63	0.88	3.91	1.80
2.6		Đất giao thông khác	22.37	22.37	11.98	22.87	10.54
2.6.1	GBT	Đường tỉnh	7.48	7.48	4.01	7.48	3.45
2.6.2	GBQ	Quốc lộ	14.73	14.73	7.89	14.73	6.79
2.6.3	BDN	Đầu mối GT đối ngoại	0.16	0.16	0.08	0.65	0.30
2.7		Đất đầu mối hạ tầng	19.68	24.96	13.36	25.05	11.55
2.7.1	DRA	Xử lý CTR	6.73	6.73	3.60	6.73	3.10
2.7.2	DHT	Đất hạ tầng	0.46	1.21	0.65	1.30	0.60
2.7.3	NTD	Nghĩa trang	6.86	11.39	6.10	11.39	5.25
2.7.4	LKK	Lưu không khác, hành lang HLKT	5.63	5.63	3.02	5.63	2.60
2.8		Đất cây xanh khác	12.89	13.68	7.33	14.92	6.88
2.8.1	DTT	Đất thể thao	2.16	2.95	1.58	2.95	1.36
2.8.2	CXL	Cây xanh cách ly	8.15	8.15	4.36	8.15	3.76
2.8.3	MNQ	Mặt nước cảnh quan	2.58	2.58	1.38	3.82	1.76
2.9	CAQ	An ninh, quốc phòng	4.98	4.98	2.67	4.98	2.30
<b>3</b>	-	<b>CỘNG ĐẤT XÂY DỰNG ĐÔ THỊ</b>	<b>139.49</b>	<b>186.80</b>	<b>100</b>	<b>216.89</b>	<b>100</b>
<b>4</b>		<b>ĐẤT KHÁC</b>	<b>662.81</b>	<b>722.99</b>		<b>662.81</b>	
4.1		Đất nông lâm nghiệp	596.28	596.28		596.28	
4.1.1	NNP	Nông nghiệp khác	42.97	42.97		42.97	
4.1.2	KBV	Khu vực bảo vệ cảnh quan	12.79	12.79		12.79	
4.1.3	LNP	Lâm nghiệp khác	534.03	534.03		534.03	
4.1.4	MNC	Mặt nước	6.49	6.49		6.49	

4.2		Dự trữ phát triển cho QH đợt sau		30.09			
4.3	DCS	Dự trữ phát triển dài hạn	66.53	66.53		66.53	
<b>5</b>		<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>802.29</b>	<b>879.70</b>		<b>879.70</b>	

## **5. Định hướng phát triển không gian đô thị**

Về tổng thể, đô thị phát triển theo 02 hướng chủ đạo:

- Về phía Nam: Phát triển đô thị trên quỹ đất nông nghiệp còn lại giữa Quốc lộ 37 đến đường vành đai phía Nam.

- Về hướng Đông: Phát triển từ khu vực trung tâm văn hóa thể thao ra ranh giới phía Đông đô thị.

Phân đô thị gồm 02 đơn vị ở: Tây và Đông

Đơn vị ở phía Tây: Nằm phía Tây đoạn đường tránh đô thị giai đoạn 1 (là đoạn đường từ bến xe - chi cục thuế đi qua trường THPT đến ngã ba bệnh viện)

Đơn vị ở phía Đông: Nằm phía Đông đường tránh đô thị giai đoạn 1.

## **6. Định hướng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại, văn hóa, giáo dục, y tế, đào tạo, công viên - TDTT, cây xanh đô thị**

### **6.1. Khu trung tâm văn hóa – TDTT – Cây xanh**

- Khu trung tâm văn hoá - TDTT kéo dài từ khu vực hồ Phiêng Ban đến sân vận động, bao gồm: công viên hồ Phiêng Ban, đồi nghĩa trang liệt sĩ, sân vận động trung tâm, nhà văn hóa huyện...

- Tại từng cụm dân cư cũng bố trí các khu cây xanh, vườn dạo. Các trục cây xanh cảnh quan được bố trí dọc theo hành lang suối.

### **6.2. Khu trung tâm dịch vụ thương mại, du lịch**

- Chính trang chợ trung tâm hiện trạng.

- Các công trình dịch vụ được bố trí dọc quốc lộ 37, các khu vực phát triển mới, tại hai đầu đô thị, xây dựng các trạm xăng, khách sạn, điểm dừng chân đô thị, nhà hàng...

- Trung tâm du lịch nghỉ dưỡng được bố trí phía Bắc (khu vực đồi phát thanh truyền hình) và đồi Lâm Đồng.

### **6.3 Khu trung tâm y tế, giáo dục và đào tạo**

- Tiếp tục mở rộng bệnh viện đa khoa hiện trạng trên đường vành đai phía Nam, bố trí các trạm y tế trong các đơn vị ở theo quy phạm.

- Hệ thống các trường và trung tâm giáo dục đào tạo hiện khá đầy đủ vẫn giữ nguyên hiện trạng.

- Quy hoạch cụm trường cho đơn vị ở mới phía Đông, gồm mầm non, tiểu học, THCS. Bố trí thêm các điểm trường mầm non theo bán kính phục vụ cho các khu vực xa trung tâm.

## **7. Định hướng Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật**

### **7.1. Chuẩn bị kỹ thuật**

Cột xây dựng thấp nhất cho toàn đô thị: 515m.

Do diện tích quy hoạch xây dựng mới hầu hết đều nằm trên đất nông nghiệp, trũng hơn so với các cột khống chế, nên công tác san lấp hầu hết là đắp.

Duy trì và khơi thông các dòng thoát nước mặt tự chảy, đặc biệt là dòng chảy các suối Co Nao, suối Hang, suối Ban, suối Ọ, suối Trám, suối Bạ nhằm đảm bảo thoát nước nhanh trong mùa mưa.

### **7.2. Thoát nước mặt**

Thoát nước mặt trong hệ thống cống hoàn toàn theo hình thức tự chảy trên tất cả các đường phố. Hình thức cống lựa chọn là cống tròn BTCT có kích thước từ B600 đến D1500mm. Hướng thoát nước mặt chính cho đô thị:

- Khu vực dân cư phía Bắc thị trấn thoát nước về các cửa xả tại suối Hang;
- Khu vực phía Tây thị trấn thoát nước về cửa xả tại suối Co Nao và hồ điều hòa (cạnh Quốc lộ 37);
- Khu vực trung tâm thị trấn thoát nước về các cửa xả tại suối Ban, suối Hang, suối Ọ và suối Trám;
- Khu vực phía Đông thị trấn thoát nước về cửa xả tại suối Bạ;
- Khu vực Cao Đa thoát về cửa xả tại suối Co Nao.

### **7.3. Giao thông**

#### **a. Giao thông đối ngoại**

Quốc lộ 37 rộng 17m, lòng đường 11m; Đường tỉnh 111 đi Mường La rộng 13m, lòng đường 7m; Đường tỉnh 112 đi Tà Xùa: rộng 11,5m, lòng đường 7,5m; Đường đi xã Hồng Ngài: rộng 11,5m, lòng đường 7,5m.

#### **b. Giao thông cấp đô thị**

Đường liên khu vực: Đường tránh phía Nam: rộng 17m, lòng đường 11m; Các tuyến khác rộng 13,5m, lòng đường 7,5m;

Đường chính khu vực: rộng đường 13m, lòng đường 7m, vỉa hè 3mx2.

Đường khu vực và phân khu vực:

- Đường cấp khu vực chủ yếu: chiều rộng đường 10-13m;
- Đường phân khu vực: chiều rộng đường 7,5-13m.

#### **c. Công trình giao thông tỉnh**

Bến xe khách của thị trấn có diện tích 0,15 ha vẫn tiếp tục được sử dụng. Quy hoạch thêm bến xe dự trữ ở khu vực bản Phiêng Ban 3, có diện tích 5.000m<sup>2</sup>. Ngoài ra, bố trí các bãi đỗ xe tĩnh phân bố đều trong đô thị nhằm phục vụ các đơn vị ở hoặc các khu vực tập trung công trình công cộng.

#### **7.4. Cấp nước**

- Tiêu chuẩn cấp nước: Năm 2025: 90 lít/người/ngày đêm.

Năm 2030: 100 lít/ người/ ngày đêm.

Tổng nhu cầu cấp nước đến 2025 là 1.400 m<sup>3</sup>/ngđ.

Nguồn cấp nước ngắn hạn: là nước suối lấy từ núi Tà Xùa chảy vào thị trấn được chứa trong hai bể với tổng khối tích là 150m<sup>3</sup>, với hai trạm cấp nước cho thị trấn nằm phía Bắc khu vực nghiên cứu và 1 trạm bơm giếng cấp nước bổ sung cho 2 trạm cấp nước đang hoạt động thông qua tuyến ống cấp nước thô đi dọc Quốc lộ 37

Nguồn cấp nước dài hạn: lấy từ suối Háng Đồng cách thị trấn 20km (theo đồ án Quy hoạch cấp nước).

Mạng lưới truyền dẫn được tính toán không chỉ cho đô thị mà còn cho các khu vực công nghiệp và phụ cận cho giai đoạn đến 2030, bao gồm các tuyến cấp nước D160 từ các trạm cấp nước đi dọc theo quốc lộ 37.

Mạng lưới phân phối chính có kích thước từ  $\Phi 100$  đến  $\Phi 150$

Mạng lưới dịch vụ cấp cho các hộ tiêu thụ nước có đường kính chủ yếu là  $\Phi 32$ -  $\Phi 40$ .

Cấp nước cho cứu hoả sử dụng chung đường ống với hệ thống cấp nước dân dụng. Đường ống cấp chính cho các họng cứu hoả nằm trên đường ống có bán kính từ  $\Phi 100$  trở lên..

#### **7.5. Cấp điện**

- Tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt: Năm 2025: 200 W/người.

Năm 2030: 330 W/người.

Nguồn điện cho khu vực được lấy từ trạm biến áp 110/35/22kV công suất 25MVA tại thị trấn Bắc Yên.

Nhu cầu sử dụng điện đến năm 2025 là khoảng 3.500 kVA, đến năm 2030 là khoảng 7.380 kVA.

Đường điện 110kV đi qua khu vực (phía Bắc đô thị) được đảm bảo hành lang an toàn lưới điện cao thế 110kV là 4m về mỗi phía tính từ đường dây biên.

Tuyến điện 35kV hiện trạng đi qua công trình xây dựng trong đô thị sẽ được di dời dọc theo vỉa hè đường Quốc lộ 37.

Quy hoạch các tuyến 22kV từ trạm biến áp khu vực 110/35/22kV đến cấp điện cho các trạm biến áp phân phối 22/0.4kV

Bên cạnh các trạm biến áp phân phối hiện trạng, lắp đặt thêm các trạm biến áp 22/0.4kV đáp ứng nhu cầu phát triển của đô thị.

Quy hoạch cấp điện chiếu sáng trên tất cả các đường phố.

### **7.6. Thoát nước thải**

Tiêu chuẩn thu gom nước thải: đến năm 2025 xử lý đến 80% nhu cầu dùng nước, đến năm 2030 xử lý đến 90% nhu cầu dùng nước .

Nhu cầu xử lý nước thải đến năm 2025 là khoảng 1.350 m<sup>3</sup>/ngày đêm; đến năm 2030 là khoảng 1.620m<sup>3</sup>/ngày đêm.

Quy hoạch xây dựng hệ thống thoát nước thải với hệ thống cống tròn BTCT tự chảy trên tất cả các đường phố với đường kính từ D200 đến D600.

Xây dựng 2 trạm xử lý nước thải để xử lý cho đô thị: Trạm xử lý nước thải số 1 đặt phía Tây thị trấn gần suối Co Nao, xử lý nước thải sinh hoạt cho khu vực phía Bắc và phía Tây. Trạm xử lý nước thải số 2 gần trường THPT cạnh suối Ban, xử lý nước thải cho khu vực trung tâm thị trấn. Một phần nước thải khu vực dân cư phía Đông sẽ thoát chung với nước mặt. Trạm xử lý nước thải số 3 gần suối Co Nao, xử lý nước thải cho khu vực Cao Đa.

### **7.7. Nghĩa trang, bãi rác**

Khu chôn lấp và xử lý chất thải rắn huyện Bắc Yên được xây dựng tại Tiểu khu 2, thị trấn Bắc Yên, quy mô khoảng 9,8 ha, công suất xử lý 80-120 tấn/ngày đêm.

Nghĩa trang tập trung của huyện Bắc Yên được quy hoạch nằm ở tiểu khu 2 phía Tây Nam thị trấn. Các nghĩa địa nằm trong nội thị được xanh hóa và dần đóng cửa, khuyến khích di dời về nghĩa trang tập trung. Nghĩa trang liệt sĩ được giữ nguyên hiện trạng.

### **7.8. Thông tin liên lạc**

Truyền dẫn và chuyển mạch: Tuyến truyền dẫn chính đi dọc theo Quốc lộ 37 đến tổng đài chuyển mạch tại Trung tâm Viễn Thông, thị trấn Bắc Yên.

Mạng di động: Bên cạnh 08 trạm BTS hiện trạng, xây dựng thêm 06 trạm BTS phục vụ nhu cầu viễn thông di động.

Đối với mạng ngoại vi hiện có, triển khai thiết bị DSLAN nhằm tăng cường khả năng kết nối internet cho các khu vực xây dựng hiện hữu đang sử dụng cáp đồng.

Đối với mạng ngoại vi xây dựng mới, xây dựng tuyến cáp chính dọc theo Quốc lộ 37, và các tuyến cáp nhánh dẫn tới các Switch kết hợp trong tủ cáp. Từ tủ cáp này, cáp thông tin sẽ được dẫn tới các hộ tiêu thụ.

## **8. Thiết kế đô thị**

### **8.1. Quy định chi tiết**

Khi lập dự án đầu tư xây dựng các công trình kiến trúc, về quy mô diện tích, chức năng, các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch phải tuân thủ theo đồ án quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/2.000 (bao gồm mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, số tầng cao công trình, ...).

Cốt xây dựng công trình tuân theo thiết kế san nền chuẩn bị kỹ thuật.

Tầng cao công trình công cộng, dịch vụ thương mại trung bình từ 1-3 tầng, các công trình chức năng còn lại có số tầng cao theo chỉ tiêu quy hoạch.

### **8.2. Quy định kiến trúc**

Các công trình có màu sắc trang nhã, phù hợp với cảnh quan toàn khu vực.

Cây xanh cảnh quan: Lựa chọn loài cây trồng phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng được bố trí phân tầng theo chiều cao của từng loại cây.

Tại các công trình đầu mỗi hạ tầng kỹ thuật trồng cây xanh che chắn.

**8.3. Quy định về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng:** Các yêu cầu kỹ thuật đối với các tuyến đường nội khu tuân theo quy hoạch giao thông tỷ lệ 1/2.000.

## **9. Đánh giá môi trường chiến lược**

### **9.1. Đánh giá hiện trạng môi trường**

Môi trường, hệ sinh thái trong vùng quy hoạch nhìn chung tương đối tốt, đối với khu vực nội thị chịu tác động của tiếng ồn, khói bụi do hoạt động các phương tiện giao thông, hoạt động xây dựng gây ra, các khu vực ngoại thị chủ yếu chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các hóa chất nông nghiệp phục vụ chăn nuôi, trồng trọt, các thảm thực vật, nước mặt, nước ngầm phần nào bị ảnh hưởng bởi dư lượng hóa chất tồn đọng.

### **9.2. Phân tích, dự báo những tác động ảnh hưởng đến phát triển KT-XH và môi trường đô thị**

Về cơ bản, việc xây dựng đô thị với hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ ổn định sẽ tác động tới môi trường theo chiều hướng tốt hơn: xử lý chất thải rắn, nghĩa trang được đưa ra ngoài đô thị; nước thải được xử lý triệt để; các vấn đề xã hội và lao động được đảm bảo.

Tuy nhiên, do trình độ nguồn nhân lực hiện trạng không cao, nên sản xuất tiểu thủ công nghiệp vẫn cần thiết phải quy hoạch thêm nhằm đảm bảo khả năng chuyển đổi nghề nghiệp thành công từ sản xuất nông lâm nghiệp sang phi nông nghiệp cho các hộ dân bị thu hồi đất trong quá trình phát triển đô thị hóa.



Do vậy, sẽ có sự mâu thuẫn giữa mục tiêu bảo vệ môi trường và mục tiêu quy hoạch, khi sản xuất tiểu thủ công nghiệp là nguồn ô nhiễm tiềm năng cho môi trường. Tuy nhiên trong dài hạn, sự mâu thuẫn này sẽ dần được hạn chế khi trình độ phát triển của khu vực cao hơn sẽ có thể chuyển đổi các loại hình sản xuất tiểu thủ công nghiệp sang sản xuất kinh doanh không ô nhiễm.

### **9.3. Các giải pháp phòng ngừa, khắc phục**

- Quy hoạch cây xanh cách ly cho cụm tiểu thủ công nghiệp, và cây xanh cách ly hai bên đường tránh phía Nam, và cây xanh cách ly xung quanh nghĩa địa nhằm hạn chế ô nhiễm từ hoạt động của tiểu thủ công nghiệp, giao thông, và mai táng;

- Công trình có khả năng ô nhiễm tiếng ồn mới là bến xe được đặt ở khu vực bản Phiêng Ban 3;

- Khơi thông các dòng chảy thoát nước mặt tự chảy, kè bờ suối nhằm hạn chế lũ lụt;

- San nền nâng cao cốt cho các khu vực có nguy cơ ngập lụt và xây dựng hệ thống thoát nước mưa nhằm tránh ngập úng cho khu vực nghiên cứu;

- Quy hoạch đường vành đai phía Đông đô thị, có thể đảm bảo vai trò đường tránh trong tương lai nhằm hạn chế giao thông đối ngoại qua trung tâm đô thị trong tương lai, vừa đảm bảo an toàn giao thông, vừa góp phần giảm ô nhiễm trong khu vực trung tâm về không khí và tiếng ồn;

- Cấp nước đảm bảo 100% các hộ được cấp nước sạch nhằm hạn chế tối đa việc khai thác nước ngầm;

- Xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng hoàn toàn có trạm xử lý nước thải cuối dòng nhằm hạn chế tối đa ô nhiễm môi trường nước và đất;

- Thu gom rác thải đưa về khu xử lý nhằm hạn chế tối đa ô nhiễm môi trường đất, và không khí.

### **9.4. Chương trình, kế hoạch giám sát, quan trắc môi trường**

#### **a. Môi trường nước mặt và nước thải**

Số lượng: 03 điểm.

Tần suất: 02 lần/ năm.

#### **b. Môi trường nước ngầm**

Số lượng: 02 giếng khoan tại các đơn vị ở dọc suối Ngọt.

Tần suất: 02 lần/ năm.

#### **c. Môi trường không khí**

Số lượng: 04 điểm.

Tần suất: 02 lần/ năm.

#### *d. Chất thải rắn*

Số lượng: 01 điểm.

Tần xuất: 01 lần/ năm.

#### *e. Quan trắc bất thường và bổ sung*

Khi các chỉ số trên không ở trong ngưỡng cho phép, đặc biệt là về khí thải, nước ngầm và nước mặt, hoặc khi được thông báo có sự cố môi trường bất thường, cần quan trắc bổ sung. Vị trí và số lượng điểm quan trắc tùy theo dự báo về nguồn ô nhiễm tạo ra sự vượt ngưỡng các chỉ tiêu trên.

### **10. Kinh tế xây dựng**

#### **10.1. Các dự án ưu tiên đầu tư**

- Đầu tư xây dựng các công trình công cộng thiết yếu phục vụ cho các đơn vị ở mới, các khu chính trang đô thị.

- Đầu tư xây dựng hoàn thiện các tuyến giao thông, hạ tầng kỹ thuật.

- Đầu tư xây dựng các khu dân cư mới, khu công viên - cây xanh đô thị, tiểu thủ công nghiệp, khu sản xuất tập trung.

#### **10.1. Phân kỳ đầu tư**

##### *a. Giai đoạn 2016-2025*

Tổng dự toán kinh phí dự kiến đầu tư xây dựng cho giai đoạn này khoảng 2.351,1 tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách khoảng 263,2 tỷ đồng, chiếm 11,2%.

##### *b. Giai đoạn 2025-2030:*

Tổng dự toán kinh phí dự kiến đầu tư xây dựng cho giai đoạn này khoảng 2.224,2 tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách khoảng 245,2 tỷ đồng, chiếm 11,02%.

#### **10.3. Đề xuất nguồn vốn thực hiện quy hoạch**

- Vốn ngân sách địa phương (UBND huyện Bắc Yên tổ chức lập kế hoạch thực hiện quy hoạch, đề xuất rõ danh mục, nguồn vốn đầu tư theo quy định Luật đầu tư công, trình cơ quan có thẩm quyền xem xét quyết định).

- Vốn xã hội hóa và vốn huy động hợp pháp khác.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

#### **1. Giao Sở Xây dựng**

Căn cứ hồ sơ quy hoạch chi tiết xây dựng được phê duyệt, Chủ đầu tư tổ chức công bố công khai đồ án quy hoạch, chuyển giao hồ sơ quy hoạch được duyệt cho các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định hiện hành.

#### **2. Giao UBND huyện Bắc Yên**

Đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách, tổ chức lập kế hoạch thực hiện quy hoạch, đề xuất rõ danh mục, nguồn vốn đầu tư theo quy định Luật đầu tư công, trình cơ quan có thẩm quyền xem xét quyết định.

Tổ chức lập, ban hành Quy định quản lý theo hồ sơ quy hoạch chung xây dựng được duyệt.

3. Trong quá trình lập dự án đầu tư xây dựng thành phần, nếu có những nội dung thay đổi so với hồ sơ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng được duyệt hoặc một số nội dung của hồ sơ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng chưa phù hợp với dự án đầu tư, chủ đầu tư dự án phải trình các cấp có thẩm quyền cho phép điều chỉnh cục bộ quy hoạch trước khi lập dự án đầu tư xây dựng.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Xây dựng, Công thương, Lao động - Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bắc Yên; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *tt*

**Nơi nhận:**

- TT: Tỉnh ủy, HDND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (t/h);
- Lưu VT, TH, KG-VX, Quý-KT, 28b.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Bùi Đức Hải**